



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN TRẦN PHÚ
DÂY & CÁP ĐIỆN TRẦN PHÚ
Bền mãi với thời gian



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY & CÁP ĐIỆN TRẦN PHÚ DÂY ĐIỆN DÂN DỤNG BỌC PVC

(Thời gian áp dụng từ ngày 26/10/2026)

Tiêu chuẩn áp dụng: IEC 60227-3 / IEC 60227-5; AS/NZS 5000.1; AS/NZS 5000.2; AS - NZS 5000.1, JIS C 3307

Điện áp sử dụng: 450/750V; 0.6/1kV; 600V

Quy cách sản phẩm: Cu/PVC

Cu/PVC/PVC

Cu/FR/PVC

TT	Tên sản phẩm	Cấp điện áp	Kết cấu ruột dẫn		ĐVT	Đơn giá (đã bao gồm 8% VAT)	
			Số sợi	ĐK sợi		Giá bán buôn	Giá bán lẻ
						VNĐ	VNĐ
I. DÂY ĐƠN 7 SỢI BỌC NHỰA PVC - Cu/PVC (Ruột đồng cách điện PVC 75°C)							
1	CV-V75-Đơn 1x1,0	0,6/1kV	7	0.42	m	7.600	8.200
2	CV-V75-Đơn 1x1,5	0,6/1kV	7	0.52	m	10.400	11.200
3	CV-V75-Đơn 1x2,5	0,6/1kV	7	0.67	m	16.900	18.300
4	CV-V75-Đơn 1x4,0	0,6/1kV	7	0.85	m	25.600	27.600
5	CV-V75-Đơn 1x6,0	0,6/1kV	7	1.04	m	37.500	40.500
6	CV-V75-Đơn 1x10	0,6/1kV	7	CC	m	62.200	67.200
II. DÂY ĐƠN - Cu/PVC (ruột đồng, cách điện PVC), màu dây (đỏ, xanh, vàng, đen, tiếp địa)							
7	VCm - Đơn 1x0,75	300/500V	24	0,2	m	5.900	6.400
8	VCm - Đơn 1x1,0	300/500V	32	0,2	m	7.500	8.100
9	VCm - Đơn 1x1,5	450/750V	30	0,25	m	11.000	11.900
10	VCm - Đơn 1x2,5	450/750V	50	0,25	m	17.900	19.400
11	VCm - Đơn 1x4,0	450/750V	80	0,25	m	27.700	30.000
12	VCm - Đơn 1x6,0	450/750V	120	0,25	m	40.800	44.100
13	VCm - Đơn 1x10	450/750V	200	0,25	m	72.500	78.300
III. DÂY DẸT - Cu/PVC/PVC (ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC), màu dây (Vàng)							
14	VCm-D - Dệt 2x0,75	300/500V	24	0,2	m	13.500	14.600
15	VCm-D - Dệt 2x1,0	300/500V	32	0,2	m	17.100	18.500
16	VCm-D - Dệt 2x1,5	300/500V	30	0,25	m	23.600	25.500
17	VCm-D - Dệt 2x2,5	300/500V	50	0,25	m	38.600	41.700
18	VCm-D - Dệt 2x4,0	300/500V	80	0,25	m	58.200	62.900
19	VCm-D - Dệt 2x6,0	300/500V	120	0,25	m	86.000	92.900

TT	Tên sản phẩm	Cấp điện áp	Kết cấu ruột dẫn		ĐVT	Đơn giá (đã bao gồm 8% VAT)	
			Số sợi	ĐK sợi		Giá bán buôn	Giá bán lẻ
						VNĐ	VNĐ
20	VCm-D - Dệt 3x0,75	300/500V	24	0,2	m	19.800	21.400
IV. DÂY ĐƠN - Cu/FR-PVC-V90 (ruột đồng, cách điện PVC 90°C không chì), màu cách điện: cam, ghi, xanh dương (blue)							
21	FV-VCm-V90-Đơn 1x1,0	0,6/1kV	32	0.2	m	8.000	8.700
22	FV-VCm-V90-Đơn 1x1,5	0,6/1kV	30	0.25	m	11.700	12.700
23	FV-VCm-V90-Đơn 1x2,5	0,6/1kV	50	0.25	m	18.900	20.500
24	FV-VCm-V90-Đơn 1x4,0	0,6/1kV	80	0.25	m	28.800	31.200
25	FV-VCm-V90-Đơn 1x6,0	0,6/1kV	120	0.25	m	42.900	46.400
26	FV-VCm-V90-Đơn 1x10	0,6/1kV	200	0.25	m	76.100	82.200
V. DÂY DỆT - Cu/FR-PVC-V90/FR-PVC-3V-90 (ruột đồng, cách điện PVC 90°C không chì, vỏ bọc PVC 90°C không chì, đặc tính dễ xé), màu vỏ bọc: cam							
27	FV-VCm-D-3V-90-Dệt 2x1,0	450/750V	32	0.2	m	17.900	19.400
28	FV-VCm-D-3V-90-Dệt 2x1,5	450/750V	30	0.25	m	24.600	26.600
29	FV-VCm-D-3V-90-Dệt 2x2,5	450/750V	50	0.25	m	40.600	43.900
30	FV-VCm-D-3V-90-Dệt 2x4,0	450/750V	80	0.25	m	60.900	65.800
31	FV-VCm-D-3V-90-Dệt 2x6,0	450/750V	120	0.25	m	90.200	97.500
VI. DÂY XÚP - Cu/PVC (ruột đồng cấp 5, cách điện PVC), màu dây (Trắng)							
32	VCm-X-V75 - Xúp 2x0,5	0,6/1kV	16	0.2	m	9.000	9.800
33	VCm-X-V75 - Xúp 2x0,75	0,6/1kV	24	0.2	m	11.700	12.700
34	VCm-X-V75 - Xúp 2x1,0	0,6/1kV	32	0.2	m	14.100	15.300
35	VCm-X-V75 - Xúp 2x1,5	0,6/1kV	30	0,25	m	20.000	21.600
36	VCm-X-V75 - Xúp 2x2,5	0,6/1kV	50	0,25	m	32.400	35.000
VII. DÂY TRÒN (2,3,4) RUỘT MỀM - Cu/PVC/PVC (ruột đồng, cách điện PVC, vỏ bọc PVC), màu dây (Đen)							
37	VCm-T - Tròn 2x0,75	300/500V	24	0,2	m	15.200	16.500
38	VCm-T - Tròn 2x1,0	300/500V	32	0,2	m	18.500	20.000
39	VCm-T - Tròn 2x1,5	300/500V	30	0,25	m	25.800	27.900
40	VCm-T - Tròn 2x2,5	300/500V	50	0,25	m	41.600	45.000
41	VCm-T - Tròn 2x4,0	300/500V	80	0,25	m	63.200	68.300
42	VCm-T - Tròn 2x6,0	300/500V	120	0,25	m	93.700	101.200
43	VCm-T - Tròn 3x0,75	300/500V	24	0,2	m	21.300	23.100
44	VCm-T - Tròn 3x1,0	300/500V	32	0,2	m	26.300	28.500
45	VCm-T - Tròn 3x1,5	300/500V	30	0,25	m	36.700	39.700
46	VCm-T - Tròn 3x2,5	300/500V	50	0,25	m	59.800	64.600
47	VCm-T - Tròn 3x4,0	300/500V	80	0,25	m	90.300	97.600
48	VCm-T - Tròn 3x6,0	300/500V	120	0,25	m	135.000	145.800
49	VCm-T - Tròn 4x0,75	300/500V	24	0,2	m	27.700	30.000
50	VCm-T - Tròn 4x1,0	300/500V	32	0,2	m	34.700	37.500

TT	Tên sản phẩm	Cấp điện áp	Kết cấu ruột dẫn		ĐVT	Đơn giá (đã bao gồm 8% VAT)	
						Giá bán buôn	Giá bán lẻ
			Số sợi	ĐK sợi		VND	VND
51	VCm-T - Tròn 4x1,5	300/500V	30	0,25	m	48.200	52.100
52	VCm-T - Tròn 4x2,5	300/500V	50	0,25	m	77.700	84.000
53	VCm-T - Tròn 4x4,0	300/500V	80	0,25	m	118.400	127.900
54	VCm-T - Tròn 4x6,0	300/500V	120	0,25	m	175.400	189.500
VIII. DÂY ĐƠN 7 SỢI BỌC NHỰA PVC - Cu/PVC (Ruột đồng cách điện PVC 60°C)							
55	CV - Đơn 1x8,0	600V	7	1.2	m	48.600	52.500

Thông tin : TRẦN PHÚ - TRAFUCO

VP HN: Đường Trần Danh Tuyên, Phường Phúc Lợi, TP Hà Nội.
 NMSX: Lô in-1, KCN VIỆT NAM - Singapore (VSIP), Phúc Điền, Hải Phòng
 Website: tranphu.vn (http://tranphucable.com.vn/)
 Email: xinchao@tranphu.vn
 Hotline: 19002255

HÀ NỘI, ngày 26 tháng 10 năm 2026
 TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
 GIÁM ĐỐC KINH DOANH TOÀN QUỐC

PHẠM ĐÌNH DOANH